

Bình Trị Đông B, ngày 10 tháng 01 năm 2025

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông B

I. Thời gian và địa điểm:

Vào lúc 09 giờ 30 phút ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông B.

II. Thành phần tham dự:

1. Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường
2. Bà Trương Nguyễn Ánh, P Chủ tịch công đoàn phường
3. Ông Hứa Thành Nhân, Phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra
4. Trần Thị Xuân Trang, Thư ký.

III. Nội dung cuộc họp:

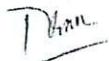
- Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2025 về công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông B.

- Tiến hành niêm yết công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông B (đính kèm Quyết định).

- Thời gian niêm yết: kể từ ngày 10 tháng 01 năm 2025 đến hết ngày 09 tháng 02 năm 2025 (trong thời gian 30 ngày).

Biên bản kết thúc vào lúc 10 giờ 20 phút cùng ngày./.

THƯ KÝ



Trần Thị Xuân Trang

THÀNH PHẦN THAM DỰ



Nguyễn Thị Lan Anh

Số: 26 /QĐ-UBND

Bình Trị Đông B, ngày 10 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

(Về việc công bố Dự toán thu - chi ngân sách nhà nước
năm 2025)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 7779/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của UBND quận Bình Tân về giao chỉ tiêu dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông B số tiền: 35.566.459.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ năm trăm sáu mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi chín ngàn đồng). (Đính kèm mẫu biểu số 02) trong đó:

- Kinh phí tự chủ: 7.430.383.000 đồng
- Kinh phí không tự chủ: 23.464.176.000 đồng
- Thu nhập tăng thêm theo NQ08/2023/HĐND: 4.455.900.000đ
- Chi khen thưởng: 216.000.000 đồng

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND phường, Ban tài chính kế toán và các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/ *Tham*

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH quận;
- TT Đảng Ủy - TT UBND phường;
- UBMTTQ và các đoàn thể phường;
- Công chức, CB không chuyên trách phường;
- Lưu: VT, KT.(T)

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Lan Anh

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B
Chương: 800

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 26/QĐ-UBND ngày 10/04/2025 của Ủy ban nhân dân phường Bình Trị Đông B)
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
1	Chi tự chủ và không tự chủ	35.566.459.000
1.1	Chi công tác dân quân tự vệ,	35.566.459.000
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.313.304.000
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	411.400.000
	Kinh phí TTN theo NQ08	2.596.504.000
	Kinh phí khen thưởng	298.600.000
1.2	Chi công tác an ninh trật tự	6.800.000
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	7.000.824.000
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	7.000.824.000
1.3	Sự nghiệp kinh tế	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	882.000.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
1.4	Sự nghiệp y tế	882.000.000
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.059.000.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
1.5	Chi sự nghiệp xã hội	1.059.000.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.785.500.000
1.6	Chi sự nghiệp môi trường	1.785.500.000
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
1.7	Chi sự nghiệp cấp thoát nước (nạo vét kênh)	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
1.8	Quản lý Nhà nước	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	16.189.334.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	4.300.636.000
	Kinh phí TTN theo NQ08	9.082.098.000
	Kinh phí khen thưởng	2.645.100.000
1.9	Đảng	161.500.000
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.629.655.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.118.801.000
	Kinh phí TTN theo NQ08	745.654.000
	Kinh phí khen thưởng	740.000.000
		25.200.000

Đvt: đồng



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1.10	Đoàn thể	2.706.842.000
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.599.546.000
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	312.596.000
	Kinh phí TTN theo NQ08	772.200.000
	Kinh phí khen thưởng	22.500.000

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BÌNH TRỊ ĐÔNG B

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU - CHI NĂM 2025
 (Dùng cho đơn vị dự toán trực tiếp sử dụng kinh phí NSNN)

ĐV tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao	Ghi chú
A	Dự toán thu	311.690.000	
I	Tổng số thu	311.690.000	
1	Thu phí, lệ phí	311.690.000	
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)		
3	Thu viện trợ (chi tiết theo từng dự án)		
4	Thu sự nghiệp khác		
	(Chi tiết theo từng loại thu)		
5	NSNN cấp	-	
1	Quản lý hành chính	-	
1.1	KP tự chủ theo QĐ số 8258 /QĐ-UBND ngày 18/12/2019	-	
1.1.1	Kinh phí thực hiện tự chủ (nguồn 13)		
1.1.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (trong đó):	-	
-	Kinh phí tiết kiệm 10% cải cách tiền lương		
-	Kinh phí điều chỉnh mức lương cơ sở		
-	Kinh phí Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND		
1.2	KP thực hiện không tự chủ	-	
-	Hỗ trợ sinh hoạt phí đại biểu Hội đồng nhân dân quận		
-	Kinh phí không tự chủ của HĐND quận		
-	Kinh phí không tự chủ của TTUB quận		
-	Chi khoa học công nghệ		
2	Sự nghiệp kinh tế	-	
-	Kinh phí chăm sóc cây xanh khuôn viên UBND quận		
II	Số thu nộp NSNN	-	
1	Phí, lệ phí		
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)		
3	Hoạt động sự nghiệp khác		
	(Chi tiết theo từng loại thu)		
III	Số được để lại chi theo chế độ	-	
1	Phí, lệ phí		
	(Chi tiết theo từng loại phí, lệ phí)		
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ		
	(Chi tiết theo từng loại hình SX, dịch vụ)		
3	Thu viện trợ		
4	Hoạt động sự nghiệp khác		
	(Chi tiết theo từng loại thu)		
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	35.566.459.000	
I	Loại ..., khoản ...		



STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao	Ghi chú
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	35.566.459.000	
1	Chi tự chủ và không tự chủ	35.566.459.000	
1.1	Chi công tác dân quân tự vệ,	3.313.304.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	411.400.000	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.596.504.000	
	Kinh phí TTN theo NQ08	298.600.000	
	Kinh phí khen thưởng	6.800.000	
1.2	Chi công tác an ninh trật tự	7.000.824.000	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	7.000.824.000	
	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương		
1.3	Sự nghiệp kinh tế	882.000.000	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	882.000.000	
1.4	Sự nghiệp y tế	1.059.000.000	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.059.000.000	
1.5	Chi sự nghiệp xã hội	1.785.500.000	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.785.500.000	
1.6	Chi sự nghiệp môi trường		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
1.7	Chi sự nghiệp cấp thoát nước (nạo vét kênh)		
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		
1.8	Quản lý Nhà nước	16.189.334.000	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.300.636.000	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	9.082.098.000	
	Kinh phí TTN theo NQ08	2.645.100.000	
	Kinh phí khen thưởng	161.500.000	
1.9	Đảng	2.629.655.000	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.118.801.000	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	745.654.000	
	Kinh phí TTN theo NQ08	740.000.000	
	Kinh phí khen thưởng	25.200.000	
1.10	Đoàn thể	2.706.842.000	
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.599.546.000	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	312.596.000	

STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao	Ghi chú
	Kinh phí TTN theo NQ08	772.200.000	
	Kinh phí khen thưởng	22.500.000	
II	Loại ..., khoản ...		
C	Dự toán chi nguồn khác (nếu có)		
1	Chi thanh toán cá nhân		
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn		
3	Chi mua sắm, sửa chữa lớn		
4	Chi khác		

Ngày 10 tháng 01 năm 2025



THỦ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Lan Anh

